

Thị trường tín dụng

(chính thức và không chính thức)

đối với kinh tế tư nhân ở Việt Nam

TS. **NGUYỄN ĐÌNH TÀI**

Viên Nghiên cứu quản lý Kinh tế TW

Khái niệm tín dụng chính thức và tín dụng không chính thức

Xét về phương diện pháp lý của thị trường tín dụng, người ta thường phân chia nó thành thị trường tín dụng chính thức và thị trường tín dụng không chính thức dựa trên các khái niệm tương ứng tín dụng chính thức và tín dụng không chính thức.

Tín dụng chính thức là hình thức huy động vốn và cho vay thông qua các tổ chức trung gian tài chính có đăng ký và hoạt động công khai theo luật, hoặc chịu sự quản lý và giám sát của chính quyền nhà nước các cấp. Hoạt động theo hình thức này có hệ thống ngân hàng, kho bạc nhà nước, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, hợp tác xã tín dụng, các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, các tổ chức kinh tế có hoạt động ngân hàng, các tổ chức phi chính phủ trong nước và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, các chương trình và các dự án của các ngành được thực hiện bằng nguồn vốn tín dụng của chính phủ và các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Quỹ Quốc tế và Phát triển Nông nghiệp của Liên hiệp quốc (IFDA) v.v...

Tín dụng không chính thức hay tín dụng phi chính thức (trong xã hội nhiều người còn quen gọi là tín dụng ngầm) là hoạt động tín dụng nằm ngoài khuôn khổ luật định của nhà nước, hoặc không phụ thuộc và không chịu sự quản lý và giám sát của chính quyền nhà nước các cấp. Nó bao gồm hoạt động cho vay của những người chuyên cho vay lấy lãi, của các tư thương dưới hình thức bán chịu hàng

hóa, của các chủ cửa hàng cầm đồ, các nhóm tự hợp tác tín dụng dưới các hình thức chơi hội, họ hoặc phường, hình thức cho vay bạn bè, anh em, hàng xóm.

Tín dụng chính thức đối với doanh nghiệp khu vực tư nhân

Trong quá trình đổi mới nền kinh tế Việt Nam, kinh tế tư nhân (KTTN) ngày càng phát triển nhanh, đóng góp ngày càng lớn vào tỷ trọng GDP của quốc gia. Đối với sự phát triển của KTTN, dưới tác động của cơ chế chung, bên cạnh việc tự huy động vốn của bản thân, thì vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho khu vực kinh tế này đóng vai trò rất quan trọng. Hoạt động tín dụng này chẳng những thúc đẩy sự phát triển KTTN, mà chính thông qua đó tác động trở lại, thúc đẩy hệ thống ngân hàng, đổi mới chính sách tiền tệ, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tín dụng, thanh toán, ngoại hối.

Tương quan tín dụng chính thức giữa kinh tế nhà nước và KTTN

Tỷ trọng cho vay trong thị trường tín dụng chính thức giữa DNNN và KTTN trên phạm vi toàn quốc trong 10 năm qua (1990 - 2000) diễn biến như sau: Năm 1991, dư nợ cho vay các DNNN chiếm tỷ trọng 90%, khu vực KTTN chiếm 10%, đến năm 1993 tỷ trọng này lần lượt là 68,5% và 31,5%; năm 1995: 55,2% và 44,8%; năm 1997: 50,7% và 49,3%; năm 1999: 49,2% và 50,8%; năm 2000: 48,5% và 51,5%. Như vậy trong giai đoạn 1990-2000 tỷ trọng cho vay DNNN giảm dần, còn tỷ trọng cho vay KTTN của hệ thống ngân hàng tăng dần. Xu hướng này là do các nguyên nhân sau:

- Trong 10 năm qua số lượng DNNN đã giảm hơn 50% (từ 12.300 xuống còn 5.789 doanh nghiệp hiện

nay) do giải thể, phá sản, sáp nhập, cổ phần hóa, bán lại cho tư nhân.

- Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, đặc biệt từ khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực thi hành. Tính đến nay, cả nước có hơn 8 vạn doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và hơn 2 triệu hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp đang hoạt động.

- Trên 13 triệu hộ gia đình ở nông thôn trở thành hộ sản xuất kinh doanh, được ngân hàng cho vay vốn.

- Các NHTM triển khai nhiều dự án của nước ngoài tài trợ kinh tế tư nhân của Việt Nam, như NHNN & PTNT tiếp nhận và triển khai 46 dự án với số vốn 1,2 tỷ USD, NHCT làm đại lý triển khai dự án của EC về tài trợ vốn cho người Việt Nam hồi hương từ Hồng Kông với số tiền 22 triệu USD v.v...

- Các cơ chế chính sách về tín dụng, cho vay được đổi mới theo hướng tạo sự bình đẳng hơn về cơ hội vay tín dụng giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

- Chính phủ quy định hộ sản xuất kinh doanh ở nông thôn vay đến 5 triệu đồng không phải thế chấp. Từ tháng 3/1999 mức này nâng lên 10 triệu đồng và từ tháng 9/2000 có thể vay đến 20 triệu đồng, riêng các hộ nuôi trồng thủy sản vay dưới 50 triệu đồng không phải thế chấp tài sản.

- Chính phủ giảm thuế cho hoạt động ngân hàng ở nông thôn.

- Các loại hình tổ chức tín dụng được đa dạng hóa, nên mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng cao, các ngân hàng không chỉ tập trung vào các DNNN mà các doanh nghiệp tư nhân hoạt động hiệu quả cũng là những khách hàng được nhiều ngân hàng coi là mục tiêu để cạnh tranh giành giật, đặc biệt là doanh nghiệp có nguồn ngoại tệ xuất khẩu lớn. Chính vì vậy, các công ty cổ phần, công ty TNHH đã tăng được khả năng tiếp cận vốn của hệ thống ngân hàng.

Khó khăn tiếp cận tín dụng chính thức của khu vực kinh tế tư nhân

Mặc dù Đảng và Nhà nước có chủ trương phát triển mọi thành phần kinh tế trên cơ sở bình đẳng trong hoạt động kinh doanh, nhưng trong thực tế, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa được đối xử ngang bằng như khu vực kinh tế Nhà nước. Một trong những lĩnh vực đang còn tồn tại sự phân biệt đối xử, đó là quan hệ tín dụng với ngân hàng.

Các doanh nghiệp của khu vực kinh tế tư nhân luôn bị coi là những khách hàng nhỏ, hoạt động theo kiểu chộp giật, quy mô hoạt động nhỏ, vốn tự có thấp và uy tín chưa cao, ngoại trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh. Đây là những rào cản gây khó khăn cho khu vực kinh tế này tiếp cận vốn qua hệ thống ngân hàng. Ngoài những nhân tố nội sinh của chính khu vực kinh tế tư nhân, yếu tố ngoại sinh cũng cản trở sự tiếp cận vốn của nó.

Mặc dù tỷ trọng vốn vay ngân hàng của khu vực kinh tế tư nhân ngày càng tăng, nhưng như trên cho thấy khu vực này vẫn rất khó tiếp cận vốn của các NHTMQĐ. Khối ngân hàng này có chi phí đầu vào thường thấp hơn, nguồn vốn trường và có tính ổn định cao, do đó tạo tính ổn định trong sử dụng vốn của khách hàng. Do khó tiếp cận, nên khu vực kinh tế tư nhân thường phải quan hệ với khu vực NHTM cổ phần và vay vốn từ khu vực này phải chịu lãi suất cao hơn bởi mặt bằng lãi suất huy động cao hơn nhóm ngân hàng quốc doanh.

Đã khó tiếp cận vốn nội tệ, khu vực kinh tế tư nhân còn gặp khó khăn hơn khi vay vốn ngoại tệ, trong khi đó,

tỉ trọng dư nợ ngoại tệ của khu vực DNNN chiếm đến 3/4 tổng dư nợ ngoại tệ của hệ thống ngân hàng cho nền kinh tế.

Một số cản trở pháp lý đối với khả năng tiếp cận vốn ở thị trường chính thức

Có một nguyên nhân dễ hiểu lý giải tại sao ở Việt Nam thị trường tín dụng không chính thức là nơi các doanh nghiệp tư nhân phải "bấu víu vào", đó là sự tồn tại không ít cản trở pháp lý trong việc tiếp cận vốn qua hệ thống ngân hàng đối với khu vực kinh tế tư nhân. Có thể kể ra một số văn bản pháp quy chưa thuận như sau:

- Quyết định 423/2000/QĐ - NHNNI ngày 22/09/2000 của NHNN về chính sách tín dụng ngân hàng đối với kinh tế trang trại quy định rằng các chủ trang trại vay dưới 20 triệu đồng không phải thế chấp. Tuy nhiên, khi trang trại phát triển cần nhiều vốn hơn để đầu tư thì họ lại "vấp phải" Nghị định 178/1999/NĐ-CP về bảo đảm tiền vay. Cụ thể, Khoản 2, Điều 15 của Nghị định này đòi hỏi tài sản hình thành từ vốn vay dùng làm bảo đảm tiền vay phải xác định được quyền sở hữu hoặc được giao quyền sử dụng, giá trị, số lượng và được phép giao dịch, trong khi tài sản của các chủ trang trại chủ yếu là vườn cây ăn quả, cây công nghiệp trồng từ vốn vay, việc xác định giá trị của cây trồng là rất khó và ngân hàng cũng ngại cho vay theo hình thức này (bởi lẽ, ngân hàng có thể phải chịu thêm những rủi ro mang tính khách quan khó lường trước như hạn hán, bão lụt gây mất mùa thu hoạch, giá thấp không đủ bù đắp chi phí sản xuất, lãi vay).

- Với các quy định của Nghị định 178 thì các hợp tác xã mua bán ở nông thôn và miền núi rất khó tiếp cận vốn của hệ thống ngân hàng. Nếu lấy tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm thì không phù hợp bởi các mặt hàng kinh doanh chủ yếu là hàng hóa cuối cùng cho mục đích tiêu dùng.

- Điều 20, Nghị định 178 và Mục 1, Chương IV của Thông tư 06/2000/TT-NHNNI quy định khách hàng vay không có đảm bảo bằng tài sản phải có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi, đủ khả năng hoàn trả nợ hoặc có dự án của NHNN quy định. Quy định này thực ra cũng rất khó đối với các doanh nghiệp có nhu cầu tăng vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh mà không có tài sản thế chấp. Đặc biệt sẽ khó hơn đối với các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH và các cá nhân không có sự bảo lãnh của các tổ chức xã hội theo quy định. Gần đây, ngày 25/10/2002 Chính phủ đã ban hành Nghị định 85/2002/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 178, theo đó đã mở rộng thêm điều kiện tín chấp tài sản đối với một số nhóm khách hàng đáp ứng các điều kiện của ngân hàng.

Huy động vốn từ thị trường tín dụng không chính thức

Hiện nay, chưa có và khó có thể có con số thống kê chính xác về qui mô, lực lượng tham gia thị trường tín dụng không chính thức ở Việt Nam. Những thông tin có được về thị trường này chủ yếu là từ các cuộc điều tra khác nhau được thực hiện trong thời gian qua.

Mặc dầu phần lớn các doanh nghiệp dân doanh dùng vốn tự có để thành lập doanh nghiệp, nhưng vốn huy động vẫn có vai trò đáng kể. Theo kết quả điều tra 407 doanh nghiệp tại 5 địa phương là Hà Nội, Hải Phòng, Hải Hưng, Sông Bé và TP. Hồ Chí Minh do TS. Trần Kim Hào và nhóm nghiên cứu Viện NCQLKTTU thực hiện năm 1996, thì có tới 46,5% tổng số doanh nghiệp tư nhân đã vay vốn, trong đó tới 35% số doanh nghiệp vay người thân, bạn bè để thành lập doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động, số doanh nghiệp có huy động tín dụng không chính thức cũng tăng nhanh (từ 19,5% lên 90% trong tổng số doanh nghiệp có huy động vốn trong thời kỳ

Cách thức huy động vốn của các DN, hàng tư nhân

- ✓ **Vay NH quốc doanh (21%)**
- ✓ **Vay NHTM cổ phần (11%)**
- ✓ **Vay mượn và có sự đầu tư từ các DN khác (3%)**
- ✓ **Vốn riêng của mình (69%)**
- ✓ **Được Chính phủ trợ giúp (0,2%)**
- ✓ **Vay các tổ chức tài chính không phải ngân hàng (tổ chức tín dụng, HTX tín dụng, quỹ tín dụng) (4%)**
- ✓ **Vay mượn hay có sự đầu tư của họ hàng, bạn bè, người quen (45%)**
- ✓ **Vay mượn hay có sự đầu tư của Việt kiều (3%)**
- ✓ **Các nguồn khác (14%)**

1992-1994).

Một cuộc điều tra khác của Viện NCQLKTƯ thực hiện tại 452 doanh nghiệp khu vực tư nhân và hợp tác xã phi nông nghiệp ở 10 tỉnh trong 3 miền của đất nước trong năm 2000 cũng cho những con số đáng quan tâm về sự tác động của thị trường tín dụng không chính thức.

Về câu hỏi: "Ông, bà đã làm thế nào để có được một khoản vốn cần thiết cho việc khởi sự doanh nghiệp?", 314 doanh nghiệp trả lời họ sử dụng chủ yếu "vốn riêng của mình"; 163 doanh nghiệp (chiếm 36% trong tổng số doanh nghiệp điều tra) có vay vốn từ các thị trường tín dụng chính thức, trong đó ngân hàng quốc doanh 96 trường hợp, ngân hàng thương mại cổ phần 51 trường hợp và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng 16 trường hợp; 281 doanh nghiệp đã phải tìm đến nguồn vốn từ thị trường không chính thức như vay mượn hoặc nhận sự đầu tư của họ hàng, bạn bè, người quen, Việt kiều và từ các nguồn khác (xem bảng).

Kết quả của các cuộc khảo sát đã khẳng định một thực tế là giữa các doanh nghiệp, công ty tư nhân và các NHTM có một mối quan hệ rất yếu, nói cách khác, các doanh nghiệp khu vực tư nhân rất khó tiếp cận tín dụng của ngân hàng.

Nếu lưu ý rằng, MPDF đã đưa ra con số 30% trong số 95 doanh nghiệp, hăng tư nhân lớn không vay được vốn từ ngân hàng, và con số chỉ có 36% trong số 452 doanh nghiệp, công ty tư nhân được CIEM điều tra trên đây có thể vay vốn từ các tổ chức tín dụng, có thể thấy rằng những phát hiện giống nhau của các cuộc điều tra đã nói lên vị trí quan trọng của thị trường tín dụng không chính thức đối với doanh nghiệp tư nhân và sự yếu kém của khu vực chính thức.

Một điều đáng lưu ý nữa: Một số ngành tuy được xem là có vai trò chủ đạo hay mũi nhọn (như máy nông nghiệp, máy móc và dụng cụ, ô tô và xe máy, đồ điện, đóng tàu hay phần mềm tin học) nhưng cũng khó tiếp cận với nguồn tín dụng đầu tư của ngân hàng.

Cũng kết quả điều tra trên đưa đến một phát hiện lý thú về vấn đề tăng vốn: thị trường tín dụng không chính thức trở thành nguồn huy động vốn chủ yếu của các nhà đầu tư tư

nhân khi khởi sự doanh nghiệp. Những người sáng lập ra các hợp tác xã là đối tượng trông chờ nhiều nhất vào nguồn vốn trên thị trường này (46%), tiếp đến là các công ty cổ phần (43%), rồi tới các công ty trách nhiệm hữu hạn (37%) và cuối cùng là các doanh nghiệp tư nhân (29%) và các hộ kinh doanh (29%).

Đánh giá vai trò và tác động của thị trường tín dụng không chính thức

Trong thị trường tín dụng, tín dụng không chính thức vẫn tồn tại khá phổ biến như một nhu cầu tất yếu, khách quan ở hầu hết các nước đang phát triển và kém phát triển. Cho dù biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau và có lãi suất cao, nhưng nó rất tiện lợi, thủ tục cho vay đơn giản, món tiền vay thường là nhỏ và khi nào người vay cần là có ngay. Đây chính là lợi thế tuyệt đối của tín dụng không chính thức mà tín dụng chính thức không thể có. Vì vậy, sự tồn tại của tín dụng không chính thức không những không mâu thuẫn mà trái lại còn bổ sung cho tín dụng chính thức trong việc cung cấp vốn vay ở những nơi và những thời điểm mà tín dụng chính thức chưa đáp ứng kịp thời. Hơn nữa, xét về phương diện thị trường, nó còn là đối tượng cho tín dụng chính thức phát triển.

Tín dụng không chính thức giữ một vai trò khá quan trọng trong việc đáp ứng kịp thời vốn tín dụng cho hộ gia đình cả trong sản xuất và trong tiêu dùng. Đặc biệt, nó rất quan trọng đối với những hộ còn đói nghèo, những hộ chưa đủ điều kiện tiếp cận với nguồn tín dụng chính thức.

Đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thì tín dụng không chính thức có một vai trò đáng kể trong giai đoạn khởi nghiệp cũng như phát triển sản xuất kinh doanh sau này của doanh nghiệp.

Tín dụng không chính thức tồn tại khách quan và chiếm phần không nhỏ trong thị trường vốn tín dụng. Tín dụng không chính thức rất đa dạng về thành phần tham gia, về hình thức vốn vay và rất linh hoạt trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho người vay ở mọi nơi mọi lúc.

Lãi suất tín dụng không chính thức

do cơ chế cung và cầu vốn tín dụng trên thị trường và bản chất của từng hình thức tín dụng không chính thức quy định. Tuy nhiên, do cầu lớn và một cơ chế giao dịch tự do, lòng léo, không có sự kiểm soát, nên lãi suất cho vay tín dụng tư nhân, tư thương, chủ cầm đồ, hụi nói chung cao, thông thường cao hơn tín dụng chính thức 2 đến 3 lần, thậm chí có nơi, có lúc cao gấp tới 5 đến 6 lần. Điều này đã làm giảm thu nhập thực tế của doanh nghiệp và hộ gia đình. Không ít hộ vì lãi suất cao nên đã không trả được nợ và ngày càng không thoát khỏi cảnh đói nghèo. Hơn nữa, cũng vì lãi suất cao, các món vay thường nhỏ, thời gian vay ngắn, nên vốn vay từ nguồn không chính thức thường chỉ sử dụng cho đầu tư ngắn hạn, bổ sung sự thiếu hụt về vật tư, tài sản lưu động. Hộ gia đình muốn vay vốn đầu tư lớn và dài hạn chỉ có thể dựa vào nguồn tín dụng chính thức.

Mở rộng thị trường tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp khu vực tư nhân

Nhu cầu tín dụng của kinh tế tư nhân đến 2010

Theo phân tích, dự đoán của các chuyên gia kinh tế, thì đến năm 2010, tỷ trọng cho vay của hệ thống ngân hàng đối với khu vực kinh tế tư nhân sẽ tăng đến 70% trong tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế. Dự đoán này dựa trên các cơ sở dưới đây:

- Chính phủ Việt Nam khẳng định quyết tâm thực hiện đúng cam kết đã ký với các tổ chức quốc tế về cơ cấu lại DNNN, như với ADB, WB, IMF, Hiệp định AFTA, WTO, Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ và các thỏa thuận khác với khối ASEAN.

- Dự kiến đến năm 2005 số lượng DNNN giảm xuống còn 60-70% và đến năm 2010 giảm còn 30-40% so với hiện nay, tức là còn khoảng trên dưới 2000 DNNN. Tuy nhiên Chính phủ sẽ giữ lại các DNNN thuộc các lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế, thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế trong các lĩnh vực then chốt như điện lực, dầu khí, điện, bưu chính viễn thông, hàng không, hàng hải... Do đó, một tỷ trọng đáng kể DNNN vẫn còn tồn tại và được củng cố tăng sức mạnh, các NHTM tiếp tục cho họ vay vốn.

- Với việc ban hành Luật Doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 1/1/2000, dự báo trong năm 2005 trong cả nước số lượng doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần tăng gấp 3 lần so với năm 2000, đạt con số 115.000 - 120.000 doanh nghiệp hoạt động theo Luật này.

- Hộ kinh doanh ở đô thị tăng khoảng 20-28%/năm, số lượng trang trại và hộ sản xuất ở nông thôn tăng 5-8%/năm.

- Đầu tư nước ngoài ở Việt Nam phục hồi và phát triển trở lại.

Mở rộng và hoàn thiện thị trường tín dụng chính thức

Xét cho cùng thì một nền kinh tế phát triển lành mạnh và ổn định phải dựa chủ yếu vào hệ thống tài chính chính qui, trong đó thị trường tín dụng chính thức sẽ ngày càng phải có vị trí chủ chốt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hộ kinh doanh cá thể. Muốn vậy, phải:

- Phát triển và mở rộng hệ thống NHTM, đặc biệt là NHNN & PTNT, Ngân hàng Phục vụ Người nghèo, các NHTM cổ phần; hệ thống quỹ tín dụng nhân dân xuống tận các làng xã;

- Đa dạng hóa các hình thức cho vay, đơn giản hơn các thủ tục xét duyệt vay của các tổ chức tín dụng chính thức sao cho phù hợp với đặc điểm của kinh tế hộ;

- Tăng cường hơn nữa nguồn vốn tín dụng từ NSNN cho các chương trình tín dụng ưu đãi đầu tư phát triển kinh tế nông thôn, nông nghiệp và hộ nông dân;

Mặc dù hiện nay lãi suất tiền vay ngân hàng đã giảm xuống tới mức thấp nhất, nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn trong tiếp cận vốn ngân hàng. Doanh nghiệp cho rằng khó khăn lớn nhất không phải là lãi suất mà là món vay, thời hạn vay và nhất là vấn đề thủ tục, bởi muốn vay phải qua nhiều cửa, thủ tục rườm rà, nhất là cơ chế cho vay và bảo đảm tiền vay đang là rào cản đối với các doanh nghiệp.

Theo nguyên tắc, doanh nghiệp muốn vay được tiền của ngân hàng thì cần phải có tài sản thế chấp, nhưng hầu hết các doanh nghiệp của Việt Nam còn rất trẻ, chưa đủ tài sản và vốn để thế chấp cho những khoản vay lớn. Trong khi tài sản có thể thế chấp là đất và nhà cửa thì lại chậm được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nên các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về thế chấp tài sản. Điều này gây ra bất cập là doanh nghiệp cần vốn, ngân hàng muốn giải ngân nhưng không được. Vì vậy nên có một cơ chế thông thoáng, mở rộng cho vay tín chấp, trên cơ sở thẩm định dự án khả thi của doanh nghiệp khi vay vốn, gắn kết lợi ích và trách nhiệm của ngân hàng với doanh nghiệp trong triển khai thực hiện dự án thì sẽ thuận lợi cho cả ngân hàng và doanh nghiệp.

Việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất đang là vấn đề nhạy cảm, nhất là giá trị quyền sử dụng đất được xác định luôn thấp hơn giá thị trường. Do đó, doanh nghiệp chỉ được vay của ngân hàng số lượng vốn ít (do vay trên cơ sở giá trị quyền sử dụng đất thấp), dẫn đến thua thiệt cho doanh nghiệp. Vì vậy, cần bổ sung quy định giá đất thế chấp quyền sử dụng đất do hai bên thỏa thuận.

Về thời hạn cho vay, hiện nay hầu hết các doanh nghiệp, hộ gia đình, trang trại nếu muốn mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất thì đều có nhu cầu rất lớn về vốn đầu tư cơ bản, trong khi cơ cấu cho vay của ngân hàng lại chủ yếu là vốn vay ngắn hạn. Vì vậy doanh nghiệp hoặc phải tìm đến với tín dụng phi chính thức hoặc sử dụng vốn không đúng mục đích. Để góp phần đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp, nên mở rộng quyền để các tổ chức tín dụng và khách hàng tự thỏa thuận điều kiện vay; trao quyền chủ động cho ngân hàng, tổ chức tín dụng trong việc gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ đối với khách hàng.

Mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tài chính đối với doanh nghiệp. Cùng với hoàn thiện về cơ bản các văn bản quy phạm pháp luật tài chính, củng cố và phát triển các thị trường dịch vụ hiện nay như: thị trường bảo hiểm, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán và thị trường chứng khoán, còn cần thiết phải phát triển thêm các thị trường dịch vụ khác như dịch vụ tư vấn thuế, dịch vụ tư vấn đầu tư tài chính doanh nghiệp, dịch vụ hỗ trợ thị trường bất động sản.... nhằm tạo dựng môi trường thuận lợi cho dịch vụ công và thích ứng với xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường. Vì vậy, cần phải có tổ chức chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn

tài chính doanh nghiệp để bổ sung cho các kênh cung cấp dịch vụ tư vấn đã có nhưng còn mang tính chất tự phát, manh mún hoặc còn nghèo nàn nhằm góp phần thực hiện chủ trương Nhà nước về tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp.

Các tỉnh, thành phố cần khẩn trương thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc vay vốn ngân hàng theo quy định của Nghị định 90/2001/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Doanh nghiệp cần một thị trường tín dụng không chính thức an toàn

Để phát huy mặt tích cực và hạn chế bớt một số mặt tiêu cực của tín dụng không chính thức, đặc biệt là cần hạn chế tín dụng nặng lãi, cần:

- Có quan điểm và nhận thức đúng, khách quan về sự tồn tại và tính hai mặt của thị trường tín dụng không chính thức và vai trò của thị trường này trong nền kinh tế để hạn chế mặt xấu và phát huy mặt tốt của nó, tránh quy chụp cho thị trường này một hình ảnh hoàn toàn xấu. Có những hình thức tín dụng tiêu cực, hay còn gọi là hoạt động tín dụng ngầm, như cho vay nặng lãi, cần phải loại bỏ, trừng trị, nhưng cũng nhiều hình thức được coi là tích cực, hỗ trợ thiết thực cho kinh doanh như chơi họ, tín dụng tư thương, vay mượn của người thân, bạn bè đáng được khích lệ.

- Có cơ chế bảo đảm an toàn nhất định về mặt pháp lý đối với những hình thức tín dụng không chính thức có tính tích cực để đảm bảo quyền lợi của người đi vay và người cho vay. Chẳng hạn, như bổ sung các quy định về công nhận và chế tài trong các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự đối với một số hoạt động tín dụng không chính thức tích cực và các hình phạt nặng hơn đối với các hoạt động tín dụng ngầm.

- Có định hướng và giải pháp để chuyển một phần tín dụng từ thị trường không chính thức sang thị trường chính thức. Một trong những giải pháp rất đáng quan tâm là hình thành các quỹ vốn mạo hiểm, ở đó tổ chức và cá nhân có tiền nhàn rỗi có thể đầu tư vào quỹ để cho những người thiếu vốn vay. Mô hình quỹ này hiện nay khá phổ biến ở nhiều nước